

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-05-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nghiêm Thế Hùng

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 724/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1977; địa chỉ: Hẻm A đường T, thôn C, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969; địa chỉ: Hẻm A đường T, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Phòng số 03 nhà trọ Bùi Ngọc P, 2 đường N, tổ G phường D thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-9-2023; bản tự khai ngày 10-11-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 10 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có 04 người con. Thời gian 04 năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị đi làm ăn xa không trở về để chăm lo cho cuộc sống gia đình, sau đó hai vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay đã được 04 năm. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể quay về chung sống với

nhau được nữa. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh L có 04 người con là: Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 07-11-2000; Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09-03-2007; Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 06-08-2008 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 14-01-2013. Hiện nay, cháu Nguyễn Mỹ H đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn 03 cháu chưa thành niên, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 và Nguyễn Thanh T1 vì từ trước đến nay, các cháu đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng và cả 03 con hiện nay đều đang sống chung cùng chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay chị có điều kiện để chăm sóc các cháu, nên không yêu cầu anh Nguyễn Thanh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. *Quá trình giải quyết vụ án,* kể từ khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập họp lệ bị đơn anh Nguyễn Thanh L đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, vì vậy bị đơn anh Nguyễn Thanh L đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

3. *Tại Biên bản làm việc với các cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 và Nguyễn Thanh T1 ngày 10-11-2023 và ngày 15-03-2024, thể hiện:* Các cháu là con chung của cha Nguyễn Thanh L và mẹ Phạm Thị Mỹ D, các cháu không có ý kiến gì về mâu thuẫn của cha mẹ, các cháu chỉ biết được hiện nay cha mẹ đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 04 năm nay, các cháu hiện nay đang sống cùng với mẹ là Phạm Thị Mỹ D tại hẻm S đường T, thôn C xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi cha mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ Phạm Thị Mỹ D, vì mẹ có điều kiện để chăm sóc.

4. *Biên bản xác minh ngày 13-11-2023 tại tổ G phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện:* Anh Nguyễn Thanh L đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại Phòng số 03 nhà trọ Bùi Ngọc P, số B đường N, tổ G phường D thành phố P, tỉnh Gia Lai. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị D; thu nhập của anh L thì chính quyền địa phương nơi anh L đang cư trú không nắm rõ, vì anh L chị D không báo cho chính quyền địa phương biết.

5. *Tại phiên tòa chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh L, và được nuôi dưỡng 03 con chung là các cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 và cháu Nguyễn Thanh T1 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

6. *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Mỹ D** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh L**.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 09-03-2007; **Nguyễn Mỹ D1**, sinh ngày 06-08-2008 và cháu **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 14-01-2013 cho chị **Phạm Thị Mỹ D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phạm Thị Mỹ D** không yêu cầu anh **Nguyễn Thanh L** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phạm Thị Mỹ D** không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Phạm Thị Mỹ D** là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh **Nguyễn Thanh L** có địa chỉ tại **tổ G phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh **Nguyễn Thanh L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Nguyễn Thanh L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Thanh L** tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định** ngày 01 tháng 10 năm 1997. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **Phạm Thị Mỹ D** và anh **Nguyễn Thanh L** là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị **D** và anh **L** phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị đi làm ăn xa không trở về để chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên hai vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay đã được 04 năm, nay vẫn tiếp tục sống ly thân. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống gia đình riêng, bỏ mặc nhau không còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bản thân người đó. Chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Hơn nữa, Tại Biên bản làm việc với các cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 và cháu Nguyễn Thanh T1 ngày 10-11-2023 và ngày 15-03-2024 thì các cháu chỉ biết được hiện nay cha mẹ đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 04 năm nay, các cháu hiện đang sống cùng với mẹ là Phạm Thị Mỹ D tại hẻm S đường T, thôn C xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa hôm nay chị D xác định tình cảm của chị đối với anh L không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D xin ly hôn anh L; yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh L không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh L không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này được tồn tại, nên không có ý kiến bản khai thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Nguyễn Thanh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ D với anh Nguyễn Thanh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh L có 04 con chung là các cháu: Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 07-11-2000; Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09-03-2007; Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 06-08-2008 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 14-01-2013. Đối với cháu Nguyễn Mỹ H đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao 03 cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 và Nguyễn Thanh T1 cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vì cả 03 con hiện nay đều đang sống chung cùng chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu được sống chung cùng chị. Do anh L vắng mặt không tham gia tố tụng, không có bản khai nộp cho Tòa án và không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung nên Tòa án không có cơ sở xem xét. Xét thấy hiện tại chị D có đủ điều kiện để chăm sóc các con, vì từ trước đến nay các cháu đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng mà không có sự trợ giúp nào của anh Nguyễn Thanh L các cháu nay cũng đều đã khôn lớn, có cháu đã thành niên và có gia đình riêng, hơn nữa có các cháu Nguyễn Thanh T, Nguyễn Mỹ D1 có thể phụ giúp cùng chị trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09-03-2007; Nguyễn Mỹ D1, sinh ngày 06-08-2008 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 14-01-2013 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu anh Nguyễn Thanh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc không yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị **Phạm Thị Mỹ D** là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Mỹ D**.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị **Phạm Thị Mỹ D** ly hôn anh **Nguyễn Thanh L**.

2. *Về nuôi con chung:* Giao 03 con chung là cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 09-03-2007; **Nguyễn Mỹ D1**, sinh ngày 06-08-2008 và **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 14-01-2013 cho chị **Phạm Thị Mỹ D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. *Về án phí:*

Chị **Phạm Thị Mỹ D** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001418 ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị **Phạm Thị Mỹ D** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Công Tôn